TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **355/**2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 229/2020/HNST ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: số 151/53/31, đường B, phường H, quận K, Thành phố H.

Người yêu cầu: Ông Lê Văn H, sinh năm 1983;
Địa chỉ: số 151/53/31, đường B, phường H, quận K, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Văn H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/2004 ngày 21/5/2004 do UBND xã H, huyện T, tỉnh B cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 19/10/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 01/11/2011. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con khi bà T có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông H xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà T và ông H xác nhận không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Văn H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà T và ông H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/2004 ngày 21/5/2004 do UBND xã H, huyện T, tỉnh B cấp cho ông H và bà T không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 19/10/2004 và Lê Minh H, sinh ngày 01/11/2011. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông H hoặc bà T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà T và ông H xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Bà T và ông H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Lê Văn H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà T và ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0020730 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh B;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)